TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày 30-10-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng góp vốn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Đặng Thị Liễu

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc Tranh chấp hợp đồng góp vốn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Công C, sinh năm 1979; trú tại: Thôn Q, xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; trú tại: thôn P, xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Lê Văn Q, sinh năm 1984; trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1984; trú tại: Tổ B, khu C, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt);

+ Văn phòng công chứng P; Địa chỉ: K, L, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ - Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị C- Trưởng văn phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cầu: Ông Trần Văn C - Công chứng viên - Văn phòng công chứng P (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2018) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Lê Công C trình bày:

Đầu năm 2016 anh Nguyễn Văn T, anh Lê Văn Q và anh Đỗ Anh T1 thỏa thuận, cùng góp vốn đóng 01 con tàu (sà lan máy) trị giá khoảng 2.300.000.000đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng); Sau khi hoàn thành thì làm thủ tục đăng ký biển kiểm soát VP-1605 mang tên Nguyễn Văn T, đồng thời thế chấp con tàu với Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh thành phố V được khoảng 1.200.000.000đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) theo hợp đồng thế chấp tài sản số 08/HĐTC để trả chi phí đã đóng tàu. Sau đó anh T, anh Q và anh T1 cùng sở hữu và sử dụng con tàu trên để làm ăn chung; được khoảng 01 tháng thì anh T1 rút vốn và không chung sở hữu con tàu nữa. Con tàu lúc này thuộc sở hữu của anh T và anh Q, mỗi người được sở hữu một nửa. Đến tháng 7/2016 anh mua lại phần sở hữu của con tàu trên từ anh Q với giá hai bên thỏa thuận là 450.000.000đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) có giấy biên nhận tiền ngày 27/7/2016 (Số tiền này anh phải vay tại ngân hàng NN&PTNT xã T) và anh phải có trách nhiệm trả lãi và gốc với khoản tiền 700.000.000đ mà anh T vay hộ anh Q tại Ngân hàng (các bên có biên bản thỏa thuận theo đó anh T là người vay hộ anh 700.000.000đ tại Ngân hàng). Như vậy khi góp vốn chung con tàu với anh T thì anh phải góp là 450.000.000đ (số tiền này đưa cho anh Q) và 700.000.000đ (số tiền này anh T vay hộ anh Q tại Ngân hàng và anh Q chuyển sang cho anh để anh có trách nhiệm trả đối với số tiền này). Tại thời điểm mua phần sở hữu con tàu của anh Q thì cả ba bên đều thống nhất giá trị con tàu lúc đó là 2.300.000.000đ. Sau khi mua bán xong thì anh và anh T mỗi người sở hữu 1/2 con tàu. Thực tế anh và anh T không vay mượn gì nhau và anh cũng không nhờ anh T là người đứng ra vay tiền cho anh mà hai bên chỉ làm hợp đồng trên giấy tờ để theo đó hàng tháng anh phải trả tiền lãi của 700.000.000đồng cho anh T. Sau khi xây dựng hợp đồng xong, anh T mới nhất trí cho anh thay anh Q làm đồng sở hữu con tàu và anh được sở hữu một nửa giá trị con tàu.

Anh và anh T lần lượt sử dụng con tàu ổn định, không phát sinh hay xảy ra mâu thuẫn gì. Hàng tháng anh vẫn thanh toán số tiền lãi là 5.800.000đồng cho anh T đối với khoản tiền nhận trả lãi là 700.000.000đồng và số tiền lãi 4.050.000đồng đối với khoản tiền 450.000.000đồng. Tuy nhiên đến ngày 01/8/2017 anh T sử dụng con tàu và đã tự ý làm thủ tục bán con tàu trên cho anh Nguyễn Hoàng G với giá 1.100.000.000đồng mà không bàn bạc hay thông báo với anh. Sau khi bán xong anh T nhận tiền, trả tiền nợ cho Ngân hàng để rút giấy tờ của con tàu ra hoàn tất thủ tục mua và bán cho người khác. Đến ngày 13/8/2017 anh mới biết tin anh T đã bán tàu, anh đã nhiều lần liên lạc, gặp mặt và cũng đã nhờ đến cơ quan Công an để giải quyết, đề nghị anh T phải trả lại cho anh số tiền anh đã đóng góp mua con tàu nhưng anh T liên tục chốn tránh, không chịu trả nợ (anh không đóng tiền lãi là 5.800.000đồng đối với số tiền 700.000.000đồng như thỏa thuận giữa anh và anh T từ tháng 5/2017). Nay anh đề nghị anh T phải thanh toán cho anh số tiền 450.000.000đồng tiền gốc anh đã đóng góp mua con tàu cùng số tiền lãi của 450.000.000đồng là 0,9%/tháng tính

từ tháng 01/8/2017 cho đến khi vụ án được giải quyết xong. Tại phiên tòa anh đề nghị anh T phải trả lãi với mức lãi suất là 1%/tháng đối với số tiền 450.000.000đ kể từ 01/8/2018 cho đến khi xét xử xong.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày về nguồn gốc đóng góp và quá trình sử dụng, mua bán con tàu như anh C trình bày là đúng. Năm 2016, anh, anh Q, anh T1 có chung nhau đóng 01 con tàu, theo đó anh đóng góp 900.000.000đồng (700.000.000đồng anh vay ngân hàng, còn 200.000.000đồng anh vay ngoài). Anh T1 góp 700.000.000đồng (anh T1 nhờ anh đứng ra vay ngân hàng toàn bộ số tiền này, anh T1 sẽ là người trả lãi hàng tháng). Anh Q là người đóng góp công sức đóng tàu. Tổng giá trị của con tàu sau khi đóng là 2.200.000.000đồng. Sau khi đóng xong tàu thì anh có vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh V 1.500.000.000đ có thế chấp bằng chính con tàu và quyền sử dụng đất của gia đình anh. Sau khi con tàu đi vào hoạt động được một thời gian ngắn thì anh T1 xin rút không chung tàu nữa. Lúc này, anh T1 chuyển số nợ 700.000.000đồng anh đã vay hộ sang cho anh Q, anh Q sẽ là người trả lãi hàng tháng đối với số tiền này. Anh Q có đưa lại cho anh T1 200.000.000đồng. Lúc này, anh Q và anh mỗi người sở hữu 50% con tàu cùng nhau. Đến tháng 8/2016, anh Q bán lại một nửa con tàu cho anh C với giá 450.000.000đồng. Tuy nhiên, việc mua bán giữa anh C và anh Q anh không được biết cụ thể. Sau đó, anh C là người sở hữu 50% cổ phần con tàu cùng anh và là người tiếp tục có trách nhiệm trả lãi và gốc của 700.000.000đồng. Anh C trả tiền lãi cho anh được khoảng 10 tháng thì anh C không trả nữa. Thời điểm này, hai anh thỏa thuận mỗi người chạy con tàu trong 01 tháng rồi lại đổi cho người kia. Anh C là người quản lý và chạy con tàu trong tháng đầu tiên. Khi hết tháng, anh có thông báo cho anh C nộp lãi của 700.000.000đồng (tiền lãi của tháng 6/2017) thì anh C nói rằng không trả nữa. Sau đó, anh là người tiếp tục chạy con tàu trong tháng tiếp theo. Tuy nhiên, con tàu làm ăn gặp nhiều khó khăn, đến ngày 30/6/2017, ngân hàng có gửi thông báo về cho anh yêu cầu trả toàn bộ tiền gốc và lãi quá hạn trong đó có số tiền 700.000.000đồng và tiền lãi của số tiền này thuộc phần phải thanh toán của anh C. Do con tàu không làm ăn được nên anh đã bán con tàu cho anh G với giá 1.100.000.000đồng, anh dùng toàn bộ số tiền này để trả nợ ngân hàng và vay thêm 100.000.000đồng để trả tiếp vào đó cho Ngân hàng. Hiện tại anh còn nợ lại ngân hàng 300.000.000đồng số tiền đóng con tàu trên. Nay anh C đề nghị anh phải thanh toán cho anh C số tiền 450.000.000đồng và tiền lãi anh không nhất trí vì số tiền đó là tiền anh C và anh Q thỏa thuận mua bán với nhau, anh không được biết và cũng không là người được sử dụng số tiền trên, còn con tàu anh bán đi đều đã trả vào số tiền nợ Ngân hàng khi đóng con tàu. Hiện nay anh vẫn đang phải trả số tiền gốc và tiền lãi của 300.000.000đồng từ hợp đồng vay đóng tàu còn nợ lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Văn Q trình bày: Khoảng năm 2015, anh là người đóng con tàu (sà lan máy) biển kiểm soát VP – 1605 với giá trị là 2.000.000.000đồng sau đó anh bán cho 3 người gồm có anh, anh T và anh T1. Anh T1 góp 250.000.000đồng; anh T góp khoảng 200.000.000đồng (anh không nhớ rõ). Sau

khi con tàu đóng xong, anh T là người đi thế chấp con tàu tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố V để vay 1.500.000.000đồng. Số tiền này sử dụng để thanh toán chi phí còn lại trong việc anh đã đóng con tàu trên. Sau khi con tàu chạy được khoảng 2-3 chuyến hàng (khoảng một tuần) thì anh T1 rút không làm chung cùng anh và anh T nữa. Anh là người đã trả lại cho anh T1 250.000.000đồng, còn số tiền 1.500.000.000đồng anh T vay, anh T1 chưa phải chịu lãi tháng nào, số tiền này sau đó chuyển sang anh và anh T phải trả. Các anh thỏa thuận, anh và anh T mỗi người có quyền sở hữu một nửa con tàu và anh có trách nhiệm thanh toán 700.000.000đồng cùng tiền lãi của 700.000.000đồng trong tổng số 1.500.000.000đồng anh T đã vay tại ngân hàng. Anh T có trách nhiệm thanh toán và trả tiền lãi của 800.000.000đồng còn lại.

Ngày 27/7/2016, do không có nhu cầu sử dụng nên anh bán lại phần anh được sở hữu con tàu cho anh C với giá 450.000.000đồng (Thực tế anh nhận của anh C 430.000.000đồng còn 20.000.000đồng anh cho anh C nợ lại để đi lấy hàng, đến nay anh C vẫn chưa thanh toán cho anh), số tiền anh bán con tàu cho anh C anh là người cầm và sử dụng toàn bộ. Trước khi anh và anh C làm thủ tục mua bán anh đã gọi anh T và anh C đến để bàn bạc về việc chuyển lại cổ phần của con tàu, anh T và anh C đều nhất trí, khi đó các anh cũng thỏa thuận về số tiền vay nợ ngân hàng. Anh C mua lại quyền sở hữu một nửa con tàu từ anh và có trách nhiệm thanh toán cho anh 450.000.000đồng, ngoài ra anh C phải có trách nhiệm thanh toán cả gốc và trả lãi đối với 700.000.000đồng trong tổng số 1.500.000.000đồng mà anh T thế chấp con tàu để vay tại ngân hàng ở thành phố V.

Anh Nguyễn Hoàng G trình bày: Qua quen biết anh có biết anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; trú tại: Thôn P, xã S, huyện L có nhu cầu muốn bán 01 con tàu thủy nội địa nên anh với anh T đã thống nhất mua bán tàu vào ngày 01/8/2017, theo đó anh mua con tàu thủy nội địa đăng ký VP-1605 do Sở Giao thông tỉnh Vĩnh Phúc cấp số 1617/ĐK ngày 15/5/2016 mang tên ông Nguyễn Văn T với giá là 1.100.000.000 đồng. Do khi mua thì giấy tờ con tàu anh T đang thế chấp tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh V. Nên anh và anh T đã đến tại Ngân hàng để anh giao tiền cho anh T và Ngân hàng trả lại giấy tờ con tàu. Sau đó anh đã đi làm thủ tục con tàu đứng tên anh T sang tên anh.

Ngày 31/7/2017, anh và anh T có ra Văn phòng công chứng P làm hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa với giá là 3.600.000.000đ, chứ không phải là giá trị mua bán thực tế 1.100.000.000đ là vì muốn sau này sửa chữa con tàu để giá trị được cao. Nhưng sau đó, biết việc làm thủ tục đăng ký, đăng kiểm thì phải chịu chi phí cao nên anh và anh T đã đề nghị Văn phòng công chứng hủy hợp đồng đó và làm lại hợp đồng có công chứng với giá là 500.000.000đ thấp hơn giá trị thực tế mua bán là 1.100.000.000đ là do làm hợp đồng với giá thấp như vậy thì chi phí đăng ký, đăng kiểm con tàu sẽ chịu ít chi phí hơn. Thực tế việc mua bán con tàu thủy nội địa với anh T với giá là 1.100.000.000đ, các bên có giấy giao nhận tiền ngày 01/8/2017 tại Ngân hàng và số tiền 1.100.000.000đ này được giao cho ngân hàng cùng có mặt của anh T nên sau đó

ngân hành mới trả lại các giấy tờ cho anh T để anh T giao cho anh đi làm các thủ tục tiếp theo. Hiện nay con tàu của anh đang đi chở hàng tại tỉnh Hòa Bình không thường xuyên về Việt Trì được, khi anh mua xong con tàu này anh đã đầu tư sửa chữa con tàu hết khoảng 300.000.000đ. Khi anh mua con tàu của anh T thì anh cũng không biết việc con tàu đó có sự góp vốn của anh Lê Công C vì anh T không cho anh biết và trong giấy đăng ký con tàu là đứng tên một mình anh T.

Đại diện Văn phòng công chứng P trình bày: Ngày 31/7/2017 Văn phòng công chứng P có nhận được yêu cầu công chứng của ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Hoàng G. Qua giấy tờ ông Trọng cung cấp về tình trạng hôn nhân, đăng ký tàu VP-1605 và hai bên tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng, tự thỏa thuận giá cả ghi trong hợp đồng và phương thức thanh toán. Sau khi xem xét giấy tờ pháp lý chứng minh về nhân thân về tài sản, Văn phòng công chứng đã soạn thảo hợp đồng căn cứ sự thỏa thuận của hai bên. Hợp đồng đã được chứng nhận cùng ngày, số công chứng 409.2017/HĐMB. Ngày 01/8/2017, hai bên mua bán lại ra văn phòng công chứng đề nghị hủy hợp đồng mua bán số 409.2017/HĐMB ngày 31/7/2017 với lý do bên mua đưa ra là để giá cao quá so với balem của thuế nên hai bên yêu cầu hủy hợp đồng mua bán số 409.2017/HĐMB ngày 31/7/2017 và thỏa thuận lại hợp đồng mua bán mới với giá trị 500.000.000đ, số công chứng 416.2017/HĐMB ngày 01/8/2017. Từ nội dung yêu cầu của hai bên Văn phòng công chứng P xét thấy mục đích, nội dung của các yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mua bán không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đã chứng nhận các hợp đồng nêu trên. Việc Văn phòng công chứng P công chứng hợp đồng mua bán số 409.2017/HĐMB ngày 31/7/2017, sau đó ngày 01/8/2017, Văn phòng công chứng hủy bỏ hợp đồng mua bán số 409.2017/HĐMB này dựa trên đơn đề nghị hủy bỏ hợp đồng của các bên là đúng theo Điều 51 Luật công chứng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng góp vốn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thu lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên toà đến trước khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Công C, buộc anh Nguyễn Văn T phải thanh toán cho anh C là 100.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 01/8/2017 cho đến ngày xét xử. Đề nghị không xem xét giải quyết yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tàu giữa anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Hoàng G vì vượt quá phạm vi khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Lê Công C có đơn khởi kiện anh Nguyễn Văn T về hợp đồng góp vốn. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng góp vốn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 12/5/2016, anh Lê Công C và anh Nguyễn Văn T có ký hợp đồng góp vốn và sử dụng phương tiện nội địa, đến ngày 30/3/2018 anh Lê Công C có đơn khởi kiện về hợp đồng góp vốn. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2005.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn Q, anh Nguyễn Hoàng G, Văn phòng công chứng P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung:

Ngày 30/3/2018 anh Lê Công C khởi kiện anh Nguyễn Văn T về hợp đồng góp vốn, đề nghị Tòa án buộc anh T phải thanh toán cho anh C số tiền 450.000.000đ và tiền lãi. Đến ngày 03/7/2018, anh C có đơn khởi kiện bổ sung với nội dung đề nghị hủy bỏ hợp đồng mua bán con tàu thủy VP-1605 giữa anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Hoàng G. Tuy nhiên ngày 15/6/2018, Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên theo quy định tại khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều 210, Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và không được Tòa án chấp nhận giải quyết.

Anh Lê Công C đề nghị Tòa án buộc anh T phải thanh toán cho anh C số tiền 450.000.000đ là số tiền góp vốn mua con tàu và tiền lãi theo lãi suất 0,9%/tháng đối với số tiền trên, tại phiên tòa anh C thay đổi và đề nghị trả tiền lãi theo lãi suất là 1%/tháng kể từ 01/8/2017 cho đến khi giải quyết xong vụ án ngày 30/10/2017 là 14 tháng 29 ngày là: 450.000.000đ + [1%tháng x 450.000.000đ x (14 tháng 29 ngày)] = 517.350.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào khoảng đầu năm 2016, anh Nguyễn Văn T, Lê Văn Q và anh Đỗ Anh T1 có thỏa thuận cùng góp vốn đóng 01 con tàu, sau khi hoàn thành thì làm thủ tục đăng ký biển kiểm soát VP-1605 đứng tên anh Nguyễn Văn T đồng thời thế chấp con tàu này và 01 quyền sử dụng đất của gia đình anh T với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố V để anh T vay 1.500.000.000đ để chi trả chi phí đóng tàu. Sau đó anh T, anh Q, anh T1 cùng sở hữu và sử dụng con tàu trên để làm ăn chung, được khoảng 01 tháng thì anh T1 rút vốn, không chung sở hữu con tàu này nữa, lúc này chỉ còn lại anh T và anh Q mỗi người sở hữu một nửa con tàu. Đến ngày 27/7/2016, anh Lê Công C mua một nửa con tàu từ anh Q, anh C phải trả tiền mặt cho anh Q 450.000.000đ (theo giấy biên nhận tiền về việc bán tàu ngày 27/7/2016) đồng thời thỏa thuận với anh T là anh T đứng ra vay ngân hàng hộ anh C

700.000.000đ để anh C góp cổ phần vào con tàu thủy biển kiểm soát VP-1605 (Theo hợp đồng góp vốn đóng mới tàu thủy nội địa ngày 30/7/2016).

Theo hợp đồng góp vốn ngày 30/7/2016, anh T đứng ra vay thế chấp ngân hàng hộ anh C 700.000.000đ để anh C góp cổ phần vào đóng mới tàu thủy biển kiểm soát VP-1605. Anh C có trách nhiệm trả gốc của 700.000.000đ và lãi của số tiền này. Tuy nhiên trước đó vào ngày 12/5/2016, anh T và anh C có ký hợp đồng góp vốn đóng và sử dụng con tàu biển kiểm soát VP-1605. Việc ký hợp đồng này là để xác định anh C và anh T mỗi người được sở hữu 50% con tàu. Sau khi các bên ký kết hợp đồng góp vốn như trên thì anh T, anh C mỗi người được sở hữu 50% con tàu và anh C sẽ có trách nhiệm trả gốc và lãi của số tiền 700.000.000đ mà anh T đang vay tại ngân hàng. Còn trong giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa biển kiểm soát VP-1605 vẫn đứng tên một mình anh Nguyễn Văn T.

Đến ngày 01/8/2017 anh T đã tự ý bán con tàu biển kiểm soát VP-1605 cho anh Nguyễn Hoàng G. Tuy nhiên hợp đồng mua bán ngày 31/7/2018 ghi giá trị mua là 3.600.000.000đ, sau đó Văn phòng công chứng đã hủy hợp đồng này do các bên đề nghị hủy bỏ và ký lại hợp đồng mua bán với giá là 500.000.000đ. Trên thực tế thì anh T bán con tàu trên cho anh G với giá là 1.100.000.000đ theo giấy biên nhận ngày 01/8/2017. Việc anh T đã bán con tàu trên cho anh Nguyễn Hoàng G mà không được sự đồng ý của anh C là vi phạm hợp đồng góp vốn đã ký. Theo giá trị thực tế mà anh T đã bán con tàu cho anh G là 1.100.000.000đ, theo định giá của hội đồng định giá vào thời điểm bán con tàu trên là 1.600.000.000đ. Như vậy cần xác định giá trị con tàu VP-1605 tại thời điểm anh T bán cho anh G là 1.600.000.000đ để giải quyết vụ án. Theo hợp đồng góp vốn anh T và anh C mỗi người được sở hữu 50% con tàu, nên anh T phải trả anh C 800.000.000đ, tuy nhiên anh T đã trả cho ngân hàng Nông nghiệp khoản tiền 1.200.000.000đ, trong đó có khoản tiền 700.000.000đ mà anh T đã vay hộ anh C (theo hợp đồng góp vốn đóng mới tàu thủy nội địa ngày 30/7/2016). Sau khi đối trừ khoản tiền trên, cần buộc anh T phải thanh toán cho anh C số tiền là 100.000.000đ và số lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2017 đến ngày xét xử (là 14 tháng 29 ngày) trên số tiền 100.000.000đ theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 0,75%/tháng. Tổng số tiền phải trả là: [(14 tháng 29 ngày) x 0,75%/tháng x 100.000.000đ] + 100.000.000đ = 111.225.000đ.

Đối với số tiền lãi của khoản vay 700.000.000đ anh T vay hộ anh C tại ngân hàng mà anh C chưa trả cho anh T, anh T không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chi phí định giá tài sản anh C tự nguyện nộp cả, không đề nghị anh T phải thanh toán nên cần chấp nhận và xác nhận anh C đã nộp đủ.

[5]. Về án phí: Do chỉ được chấp nhận yêu cầu khởi kiện là 111.225.000đ, nên anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận là (517.350.000đ - 111.225.000đ) x 5% = 20.306.000đ (làm tròn), số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh C còn phải nộp là 20.306.000đ – 11.000.000đ = 9.306.000đ.

Anh Nguyễn Văn T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 305, 380, 412 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1, 4 Điều 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Công C đối với anh Nguyễn Văn T.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải thanh toán cho anh Lê Công C số tiền 111.225.000đ.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được , thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí: Anh Lê Công C phải chịu 20.306.000đ án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận anh C đã nộp 11.000.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001514 ngày 01/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch, anh C còn phải nộp 9.306.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Chi phí định giá tài sản: Anh Lê Công C phải nộp 800.000đ, xác nhận anh C đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa